

CÔNG TY ĐIỆN LỰC SƠN LA
PHÒNG ĐIỀU ĐỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Sơn La, ngày 03 tháng 9 năm 2026

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TUẦN 35
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH TUẦN 36**

I. Thông số vận hành hệ thống :

a. Công suất sản lượng hệ thống

Thông số	A max ngày (MWh)	A min ngày (MWh)	P max ngày (MW)	P min ngày (MW)	A Tuần	A lũy kế	Sản lượng		
							Nhận HT	Nhận TĐ	Nhận ĐMT
Toàn tỉnh	3258,7	3043,7	203,6	80,5	22120,4	715143,0			
Ngành điện	3052,5	2884,0	201,5	71,8	20808,5	687523,6	7654,1	10589,1	935,3
Tuần 34/2026	3163,6	2868,0	199,1	76,9	21008,4	666715,1	8028,2	10063,4	993,1
SST 35/34	-3,5%	0,6%	1,2%	-6,7%	-1,0%	3,1%	-4,7%	5,2%	-5,8%
Tuần 35/2025	2856,9	2613,4	196,3	74,0	19087,8	658693,0	6138,1	9344,7	693,1
SS Cùng kỳ	14,1%	16,5%	3,7%	8,8%	9,0%	4,4%	24,7%	13,3%	0,0%

Công suất sản lượng thủy điện

HTĐ	Chiềng Ngâm		Sơ Vin		Tổng các TĐ nhỏ	
	Tuần	Lũy kế	Tuần	Lũy kế	Tuần	Lũy kế
A tuần (MWh)	290,5	6100,2	458,2	4694,8	19836,2	287892,0
Pmax (MWh)	1,8		2,8		135,2	
P min (MW)	0,9		2,0		80,2	

b. Công suất sản lượng A17.47 Sơ Vin

Tuần	A tuần (MWh)	Amax (MWh)	Amin (MWh)	Pmax(MW)	Pmin(MW)	A lũy kế (MWh)
34	344,0	67,2	21,7	2,8	0,7	4236,6
35	458,2	67,2	59,2	2,8	2,0	4694,8

c. Công suất sản lượng NMTĐ Chiềng Ngâm

Tuần	A tuần (MWh)	Amax (MWh)	Amin (MWh)	Pmax(MW)	Pmin(MW)	A lũy kế (MWh)
34	295,1	45,4	29,4	1,8	0,6	5809,7
35	290,5	47,6	25,3	1,8	0,9	6100,2

II. Cắt điện công tác TUẦN 35

Trong tuần thực hiện 30 công việc, trong đó cắt điện kế hoạch 11 vụ, cắt điện đột xuất 12 vụ, công tác hotline 07 (Chi tiết phụ lục V đính kèm). Cụ thể như sau:

- Công tác 110kV: 03 vụ kế hoạch.
- Cắt điện trung áp 18 vụ, cụ thể như sau:
 - + Mộc Châu - Vân Hồ: 04 vụ đột xuất.
 - + Mai Sơn - Yên Châu: 02 vụ kế hoạch.
 - + Mường La: 01 vụ kế hoạch; 01 vụ đột xuất.
 - + Phù Yên - Bắc Yên: 02 vụ kế hoạch; 01 vụ đột xuất.
 - + Thuận Châu - Quỳnh Nhai: 02 vụ kế hoạch; 02 vụ đột xuất.
 - + Sông Mã - Sốp Cộp: 02 vụ đột xuất.
 - + Tô Hiệu: 01 vụ kế hoạch.
- Công tác hotline 09 phiên tại các Điện lực:
 - + Mộc Châu - Vân Hồ: 03 phiên hotline.
 - + Phù Yên - Bắc Yên: 04 phiên hotline.
 - + Tô Hiệu: 02 phiên hotline.

- Chuyển phương thức cấp điện: Trong tuần thực hiện 05 vụ chuyển phương thức cấp điện từ các lộ đường dây trung áp khi công tác trên lưới điện: 01 vụ kế hoạch; 04 vụ đột xuất.

Đơn vị	Thời gian		ĐTC cắt điện kế hoạch		ĐTC CCD Sự cố			ĐTC CCD lưới điện phân phối		
			Saiddi	Saifi	Maifi	Saiddi	Saifi	Maifi	Saiddi	Saifi
Công ty	Tuần	Tuần 35	12,26	0,24	2,15	40,46	0,31	0,31	5,16	0,00
	Tháng	Thực hiện tháng 8	57,82	0,76	5,02	63,92	0,62	0,62	13,10	0,13
		KH tháng 8	379,83	4,80	8,80	78,03	1,18	0,84	68,99	2,04
		So sánh TH/KH %	15,2%	15,9%	57,1%	81,9%	52,4%	74,2%	19,0%	6,4%
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	Lũy kế năm	Lũy kế	683,38	5,30	23,91	232,23	2,68	1,26	98,00	0,82
		KH năm	1264,01	15,97	28,51	269,02	3,50	2,25	192,59	4,10
		So sánh TH/KH %	54,1%	33,2%	83,9%	86,3%	76,5%	56,2%	50,9%	20,0%
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	Tô Hiệu	Tháng	Thực hiện tháng 8	3,85	0,12	1,49	10,14	0,13	0,09	1,57
KH tháng 8			317,05	1,28	0,44	47,85	0,62	0,28	56,63	0,60
So sánh TH/KH %			1,2%	9,2%	335,5%	21,2%	21,5%	31,2%	2,8%	15,8%
Đánh giá			Đạt	Đạt	K Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Lũy kế		Lũy kế	470.93	2,46	6,81	60,28	1,27	0,47	110,11	0,68

	năm	KH năm	1014,17	4,11	5,77	97,99	1,52	0,66	186,27	1,30
		So sánh TH/KH %	46,4%	59,7%	118,0%	61,5%	83,6%	71,0%	59,1%	52,4%
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

III. Lưu ý vận hành TUẦN 36

1. Công tác đảm bảo, ưu tiên cấp điện, thông báo ngừng cấp điện.

2. Công tác giảm suất sự cố và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện.

3. Đăng kí cắt điện kế hoạch:

Phối hợp cùng các Điện lực thực hiện theo kế hoạch như sau:

- Cắt điện lưới 110kV: 00 vụ.

- Chuyển PT trung áp 02 vụ, Điện lực MC-VH: 01 vụ: XNLD CT 01 vụ.

- Vệ sinh, Thi Công hotline, PD thiết bị, lắp SCV; đấu nối TBA 03 vụ: Điện lực PY-BY: 03 vụ.

Chi tiết tại phụ lục II đính kèm.

4. Kế hoạch huy động thủy điện nhỏ thuộc quyền điều khiển

Thủy điện	Sản lượng tuần (MWh)	Pmax (MW)	Pmin (MW)
Chiềng Ngâm	302,4	1,8	1,8
A17.7	2217,6	13,2	13,2
A17.8	403,2	2,4	2,4
A17.9	403,2	2,4	2,4
A17.17	122,5	1	0
A17.18	1344	8	8
A17.19	0	0	0
A17.20	2150,4	12,8	7
A17.26	1512	9	9
A17.32	604,8	3,6	3,6
A17.40	672	4	4
A17.42	252	1,5	1,5
A17.43	1188	7,2	3,6
A17.47	470,4	2,8	2,8
A17.48	1848	11	11
A17.49	504	3,2	3
A17.51	168	1	1
A17.53	840	5	5
A17.54	1008	6	6
A17.59	2217,6	13,2	13,2
A17.61	2016	12	12
A17.64	672	4	4
Tổng	20916,1	125,1	114,5

IV. THÔNG SỐ VẬN HÀNH ĐƯỜNG DÂY VÀ PHÂN ĐOẠN

1. Thông số các xuất tuyến

STT	TRẠM	Đ/D	P(MW) (Có thủy điện)		P(MW) (Phụ tải thực tế)		Q (Mvar)	
			Max	Min	Max	Min	Max	Min
1	E17.1	372	0,0	-5,8	7,5	0,3	0,1	-0,5
		374	2,7	-4,2	8,9	1,6	0,4	-1,0
		376	3,4	1,2	4,6	1,5	0,1	-0,5
		472	3,5	-3,2	5,4	1,7	0,8	-0,8
		474			5,3	1,5	0,3	-0,1
		476			5,8	1,8	0,3	-0,5
		478			4,2	1,7	0,2	-0,4
		471			5,5	1,4	0,3	-0,1
		473			2,4	0,6	0,0	-0,1
2	E17.2	371			1,6	0,5	0,0	-0,3
		373			8,7	-3,5	-0,2	-2,2
		374			3,4	1,1	0,1	-0,2
		376			0,6	0,0	0,1	0,1
		378			3,7	1,1	-0,4	-1,3
		471			2,3	0,4	0,0	0,0
		473	4,8	1,4	6,4	3,0	0,0	0,0
		474			1,7	0,7	0,1	-0,1
		476			4,7	1,6	0,0	-0,1
		478			1,3	-3,6	0,4	0,4
3	E17.3	371	0,3	-14,5	2,5	1,3	0,5	-0,3
		375	2,1	-6,4	4,4	1,3	0,0	-1,0
		377			3,1	0,8	0,1	-0,2
		379	-1,0	-4,5			-0,3	-0,7
		381	0,7	-4,9			-0,2	-0,5
		373	0,0	0,0			0,0	0,0
		376	0,0	0,0			0,0	0,0
		378	0,0	0,0			0,0	0,0
		673			0,1	0,1	0,1	0,0
4	E17.4	371	0,9	-9,4	2,4	-1,3	-0,2	-1,9
		373			5,3	1,7	0,0	-0,7
		375	7,8	1,9	9,6	2,8	2,4	-0,8
		377			2,2	-0,3	0,0	0,0
5	E17.5	371			1,1	1,1	0,2	-0,1
		373	4,7	-10,0	7,8	2,9	0,4	-2,0
		375			11	4	0,9	-0,9
		471			2,9	1,0	0,2	-0,1
		472			1,5	0,5	0,2	0,0
		372	0,0	0,0			0,0	0,0
6	E17.30	371			5,2	1,6	-0,5	-0,9
		373	5,1	-5,3	9,3	3,0	-0,2	-1,3
		375	4,1	0,0	8,2	0,6	0,3	-0,7
7	E17.62	371			1,8	0,4	0,1	-0,1
		373			4,1	-0,9	0,0	-0,7

		375			10,2	2,1	0,1	-0,8
		471			1,6	0,2		
		473			1,2	0,4		
8	E17.66	371			8,4	2,7	0,6	-0,3
		373			1,9	-0,6	0,0	-0,7
		375			0,5	0,2	0,1	-0,2
9	E17.67	371			0,8	0,2	0,0	-0,1
		373			4,2	1,2	0,1	-0,5
		471			0,4	0,0	0,1	0,0
		473			2,0	0,9	0,0	-0,1
		475			2,2	0,0	0,0	-0,1
		477			2,8	-0,3	0,0	-0,7

2. Các trạm cắt phân đoạn.

STT	TRẠM	PHÂN ĐOẠN	Giờ cao điểm			Giờ bình thường			Giờ thấp điểm		
			P (KW)	Q (kvar)	Cosφ	P (KW)	Q (kvar)	Cosφ	P (KW)	Q (kvar)	Cosφ
1	E17.1 Mộc Châu	372/92 Chiềng Ve	1090	-35	0,97	581	-81	0,95	301	-85	0,96
		372/104 Bản Chiềng Ve	359	-89	0,94	172	-102	0,94	58	-63	0,92
		372/104 Tân Xuân	337	-107	0,96	196	-83	0,96	112	-60	0,97
		374/63 Phú Khoa	1435	-97	0,96	889	-100	0,95	429	-79	0,95
		374/15A Chiềng Khoa	3842	7	0,96	2162	-137	0,95	1366	-163	0,94
		374/8 Bản Đạo	640	-132	0,96	453	-99	0,94	168	-86	0,95
		374/115 Co Súc	689	-110	0,96	440	-132	0,93	247	-89	0,94
		374/9 Mường Tè	648	-159	0,95	386	-89	0,94	251	-105	0,97
		471/105 Tiểu Khu 9	922	-165	0,96	538	-68	0,95	204	-77	0,95
		472/91 Lóng Luông	1033	-105	0,97	560	-112	0,96	359	-68	0,95
		472/5 Bản Bon	438	-132	0,96	291	-93	0,95	91	-103	0,95
		473/106 Hang Dơi	1485	-136	0,96	875	-94	0,96	531	-55	0,95
		476/76B Pa Khen	2721	-135	0,96	1936	-108	0,94	873	-131	0,95
		478/3C TK 19/8	2119	-139	0,95	1679	-115	0,96	852	-133	0,96
2	E17.2 Sơn La	378/40 NBMS	3765	89	0,96	3162	134	0,95	2259	99	0,94
		378/43/8 Bản Thẳm	91	-94	0,95	77	-102	0,94	66	-82	0,97

		382/30 NBMS	7663	-99	0,94	5297	-135	0,96	3183	-157	0,95
		382/52/47 Nhà Tre	1648	-172	0,96	1035	-130	0,95	731	-151	0,96
		382/3 Hìn Đón	323	-150	0,89	233	-77	0,84	112	-137	0,64
		382/3 Nhà Ốt	910	-147	0,96	653	-100	0,94	342	-92	0,94
		471/111 Tiểu Khu 1	1116	-107	0,95	1132	-105	0,97	680	-91	0,94
3	E17.3 Mường La	371/2 Bản Tìn	- 14364	182	0,94	- 14419	232	0,93	- 14201	313	0,94
		371/77 Bản Nong	903	-107	0,97	695	-94	0,95	665	-101	0,96
		371/140 Noong Quang	284	-160	0,94	173	-71	0,88	105	-47	0,83
		375/10 Bản Búng	250	-75	0,92	145	-91	0,74	91	-64	0,94
		375/106/35 Bản Sang	1019	-201	0,95	712	-111	0,95	410	-79	0,94
		375/157 Bản Hụn	679	-155	0,97	476	-104	0,95	333	-88	0,95
		375/184 Sao Va	301	-80	0,87	245	-80	0,84	86	-56	0,85
		375/3 Huổi Phầy	703	-158	0,95	545	-116	0,97	420	-137	0,91
		378/165 Pắc Ngà	451	-127	0,95	312	-167	0,93	170	-131	0,9
		377/28 Hua Nậm	1486	-128	0,94	866	-87	0,95	728	-144	0,97
		377/103 Bản Kê	680	-91	0,93	489	-68	0,94	318	-69	0,96
		377/60 Hua Ít	1065	-62	0,97	851	-52	0,96	597	-48	0,95
		377/2 Huổi Phăng	621	-107	0,95	412	-119	0,96	287	-117	0,95
4	E17.4 Thuận Châu	371/6 Bản Hóm	342	-115	0,95	234	-131	0,93	94	-103	0,94
		371/97 Hua Ty	1837	-136	0,94	1047	-104	0,95	934	-75	0,97
		371/126 Nong Vai	1034	-133	0,95	773	-125	0,97	632	-114	0,96
		371/31 Co Mạ	411	-119	0,93	269	-140	0,95	155	-143	0,95
		371/10 Pha Khuông	313	-120	0,96	200	-145	0,9	87	-102	0,96
		373/3 Bình Thuận	330	-144	0,96	229	-151	0,93	99	-120	0,89
		373/142 Pha	2464	-178	0,96	1984	-86	0,94	1066	-101	0,93

		Lao									
		375/64 Ba Nhất	890	-158	0,95	618	-100	0,96	440	-81	0,93
		375/124 Bản Lào	4669	-177	0,95	3588	-155	0,93	1700	-152	0,92
		375/285 Bản Đông	2453	-210	0,95	1901	-113	0,96	1164	-140	0,95
		375/5 Bản Ca	755	-190	0,95	443	-86	0,96	317	-138	0,94
		375/381 Phiêng Lanh	1730	-93	0,95	1214	-113	0,94	791	-138	0,93
		375/480 Bản Cút	713	-195	0,94	437	-181	0,87	234	-185	0,9
		375/4 Co Lúu	312	-128	0,76	186	-146	0,71	132	-106	0,7
		375/4 Hua Cầu	440	-144	0,93	325	-162	0,83	290	-68	0,84
5	E17.5 Phù Yên	371/1 Bản Pa Liên Lạc	2812	-195	0,96	2368	-146	0,95	1832	-126	0,95
		371/128 Suối Nhào	379	-79	0,94	228	-78	0,90	211	-146	0,87
		371/406 Bản Nhèm	300	-99	0,93	197	-116	0,81	137	-104	0,71
		371/1 Đồng Mã	266	-165	0,93	154	-77	0,83	122	-39	0,74
		373/101 Bản Mòn	4695	-227	0,95	3917	-138	0,94	2840	-210	0,95
		373/2 Tiểu Khu 1	258	-152	0,96	233	-100	0,86	161	-81	0,61
		373/107 Xím Vàng	311	-112	0,80	224	-34	0,93	102	-82	0,72
		373/1 Háng Đồng	183	-156	0,91	128	-71	0,8	109	-132	0,54
		373/255 Bản Khoa	641	-102	0,96	387	-78	0,92	233	-100	0,93
		373/221 Suối Song	471	-123	0,93	257	-137	0,81	153	-98	0,79
		373/8 Tiểu Khu 2	1322	-173	0,97	1025	-72	0,95	618	-57	0,95
		373/7 Tà Đò	378	-123	0,91	314	-129	0,77	209	-88	0,7
		375/124 Bản Ban	1943	-83	0,95	1319	-85	0,96	826	-78	0,95
		375/9 Bơm Nước	403	-85	0,93	231	-114	0,93	231	-72	0,91
		375/453/6 Bản Cải	1967	-118	0,96	1477	-127	0,93	773	-84	0,95
		375/391 Mường Do	1236	-196	0,96	784	-161	0,93	437	-95	0,84
6	E17.30	371/122	1188	-138	0,96	654	-125	0,91	351	-174	0,83

	Sông Mã	Sở Pỏi									
		371/53/167A Mường Lạn	404	-167	0,95	200	-106	0,92	85	-87	0,6
		371/159 Bản Bánh	379	-135	0,88	182	-160	0,69	97	-69	0,54
		371/5 Bản Khá	333	-86	0,9	183	-117	0,87	118	-87	0,61
		373/4 Bang Búng	271	-177	0,92	185	-100	0,81	175	-76	0,6
		373/108 Nà Nghịu	4075	-207	0,95	3873	-179	0,94	2831	-117	0,95
		373/2 Phiêng Đồn	2479	-197	0,97	2101	-177	0,96	1603	-124	0,94
		373/1 Bản Nầu	435	-168	0,96	293	-181	0,92	232	-165	0,9
		373/67 Mường Lằm	1101	-181	0,94	660	-172	0,94	468	-130	0,87
		375/152 Bản Nhạp	4131	-207	0,95	3313	-164	0,96	2787	-145	0,94
		375/289 Bản Pục	691	-131	0,94	470	-164	0,93	136	-104	0,78
7	E17.62 Mai Sơn	373/77/6 Tinh Bột Sắn	1538	-145	0,97	1167	-97	0,94	719	-162	0,95
		375/104/8 Bản Lếch	913	-143	0,97	764	-59	0,95	320	-97	0,91
		375/115/3 Cò Nòi	2068	-180	0,96	1343	-140	0,94	574	-128	0,94
		375/8/21 Nà Bó	1284	-162	0,96	664	-169	0,95	430	-84	0,94
		375/8/165 Pắc Ngà	447	-125	0,95	266	-55	0,92	150	-30	0,94
8	E17.66 Yên Châu	373/5 Tô Buông	397	-172	0,95	252	-82	0,91	111	-58	0,82
		373/107 Tà Làng 1	2546	-236	0,96	1903	-88	0,95	1211	-151	0,94
		373/3 Hát Sét	312	-124	0,88	145	-124	0,69	122	-88	0,67
		371/4 Ban Đán	1477	-211	0,96	906	-143	0,93	563	-124	0,92
9	E17.67 Sơn La 2	373/68 Phiêng Tam	2146	-160	0,95	1498	-149	0,97	1073	-125	0,94
		373/35/3 Chiềng Cọ	538	-114	0,97	478	-125	0,92	312	-94	0,94
		373/35/3 Chiềng Đen	962	-163	0,97	795	-162	0,96	532	-83	0,95

Phụ lục I
CHI TIẾT CẮT ĐIỆN TRONG TUẦN 35

STT	Công tác	Giờ dự kiến		Giờ thực hiện		Ngày bắt đầu	Đơn vị	Nội dung	Ghi chú
		Bắt đầu	Kết Thúc	Bắt đầu	Kết Thúc				
1	Tách đột xuất đ/d 374 E17.1 - DCL 374-1/63 Phú Khoa	11:03	12:02	11:37	12:37	25/8/26	Mộc Châu	ĐLK Mộc Châu sứ VT /1 bị đứt dây buộc cổ sứ không đảm bảo vận hành	ĐX
2	DCL 375-1/109/52 Suối Tọ - TBA Làng Sáng	7:30	11:30	8:47	14:48	25/8/26	Phù Yên	thay sứ và CSV, thu hồi TU,TI	KH
3	Khóa F79 PD 373/168/10 Tiểu Khu 2	7:30	11:30	7:30	15:02	25/8/26	Phù Yên	câu đầu TBA Triệu Quang Chiến VT	Hotline
4	Khóa F79 đ/d 472 E17.5	7:30	17:30	7:27	16:28	25/8/26	Phù Yên	Vệ sinh hotline đ/d	Hotline
5	Tách Đ/d 371 E17.3 từ CDPT 371-7/6 Bản Tin ÷ TBA Hin Phá	18:00	19:00	17:49	18:57	25/8/26	Mường La	Khắc phục nguy cơ sự cố: Thay 01 quả sứ đứng đỡ lèo pha B bị vỡ tán.	ĐX
6	Tách ngăn lộ 373; TC C31 E17.62 Mai Sơn, chuyển phương thức cấp điện các lộ đường dây trung áp sang nhận điện các lộ đ/d 371 E17.66 Yên Châu; 375 E17.3 Mường La; 378 E17.2 Sơn La. Mai Sơn)	6:30	13:30	6:33	14:08	26/8/26	XNLĐCT	XNLĐCTSL công tác theo kế hoạch (Kiểm tra, thí nghiệm TUC31, MC 373, relay ngăn lộ TUC31; 373 trạm E17.62	KH
7	Tách đ/d 371 E17.5 Phù Yên từ CDPT 371-7/8/6 Phố Mới - TBA Mỏ Đồng 2	8:30	11:30	9:14	11:51	26/8/26	Phù Yên	Thí nghiệm kiểm định đo đếm trung thế TBA Tâm Việt	KH
8	Tách đ/d 373 E17.4 Thuận Châu từ CDPT 373-7/218/1 VF Phiêng Lanh - TBA VF Phiêng	8:00	9:30	9:46	11:24	26/8/26	Thuận Châu	Thay công tơ TBA bị lỗi	KH

	Lanh								
9	Khóa F79 đ/d 376 E17.1 Mộc Châu	7:30	15:30	9:20	17:06	26/8/26	Mộc Châu	thi công hotline: đấu nối TBA Xóm 9 Na Áng (mới XD) vào VT 36/15/7, TBA Xóm 10 Na Áng (mới XD) vào VT 36/40	Hotline
10	Khóa F79 đ/d 471; 473 E17.1 Mộc Châu	17:30	18:30	17:32	19:30	26/8/26	Mộc Châu	thi công hotline: đấu nối TBA AURUMA VT 44 đ/d 471	Hotline
11	Khóa F79 PĐ 372/104 Bản Chiềng Ve	8:25	14:30	7:15	16:35	27/8/26	Mộc Châu	thi công hotline tách lều VT 149 và 154 PV: Di chuyển tuyến đ/d từ VT 150 đến VT 154; Đấu nối & đóng điện TBA Cửa Khẩu 1 tại VT 151; Đấu nối & đóng điện TBA Cửa Khẩu 2 tại VT 153.	Hotline
12	Tách PĐ 371/31 Co Mạ từ DCL 371-7/50/1 Cán Tỷ -TBA Pá Púa	7:30	17:00	7:38	16:11	27/8/26	Thuận Châu	ĐL TC-QN công tác theo kế hoạch (Cải tạo đường dây trung thế từ 2 pha lên 3 pha từ VT 122/50/9 - TBA Cán Tỷ B; từ VT 122/50/15 - TBA Cán Tỷ A2, Cải tạo, nâng cấp MBA 2 pha lên thành MBA 3 pha kèm theo TPP và các thiết bị)	KH
13	Tách ngăn lộ 379 E17.3 Mường La	6:30	11:30	7:36	14:40	27/8/26	XNLĐCT	Kiểm tra, thí nghiệm role bảo vệ ngăn lộ 379 E17.3 Mường La	KH
14	Khóa F79 lộ 472 E17.5 Phù Yên	7:35	17:30	7:36	16:26	27/8/26	Phù Yên	Vệ sinh cách điện hotline đường dây	Hotline
15	Cắt điện đột xuất PĐ 375/289 Bản Pục - CDPT 375-7/361 Nà Un	8:30	11:00	8:14	10:59	27/8/26	Sông Mã	Phục vụ tách lều VT 343; 349 loại VT cột 347 bị sạt trượt nguy cơ đổ cột gây sự cố.	ĐX
16	Tách MBA T2 trạm E17.30 Sông Mã	8:30	13:30	8:32	11:24	27/8/26	XNLĐCT	Xử lý khiếm khuyết đầu báo nhiệt tại MBA T2	KH
17	Cắt điện đột xuất PĐ 375/64 Ba Nhát từ DCL 375-1/64/97A Bản Xanh - TBA Pá O	9:30	14:00	9:28	12:09	27/8/26	Thuận Châu	Thay thế MBA Nong Ten không đảm bảo vận hành, nguy cơ gây sự cố.	ĐX

18	Tách đột xuất PĐ 372/104 Bản Chiềng Ve từ DCL 372-1/140 Buốc Phát - Pa Háng.	20:00	21:00	20:00	20:57	27/8/26	Mộc Châu	ĐL Mộc Châu câu đầu lại lèo VT 149 do trời mưa không thi công hotline được	ĐX
19	Tách đ/d 377 E17.3 từ CDPT 377-7/58/1 Nhà Tòng - TBA Nhà máy may	6:00	13:30	6:28	14:29	28/8/26	Mường La	PV ĐL Mường La tách lèo VT 58/12/1 - TBA Nhà Lo: thay dây dẫn từ VT 58/12/1/1-58/12/1/6	KH
20	Khóa F79 MC 472 E17.5 Phù Yên	7:30	17:30	7:34	15:28	28/8/26	Phù Yên	Vệ sinh cách điện Hotline đ/d 472 từ VT 203 đến VT220	Hotline
21	Đ/d PĐ 378/43/8 Bản Thảm đến LBS 378-7/43/72 Bản Săng	11:30	11:40	12:20	12:22	28/8/26	Tô Hiệu	ĐL Tô Hiệu tách tụ bù VT 43/68 và VT 43/69 ra khỏi vận hành	KH
22	Tách Đ/d 474 E17.1 Mộc Châu → DPT 474-7/5A Xưởng sửa.	12:00	13:30	12:58	14:26	28/8/26	Mộc Châu	Xử lý tiếp xúc, căn chỉnh lại DPT 474-7/5 Xưởng sửa .	ĐX
23	Tách đ/d 476 E17.1Mộc Châu → DPT 476-1/5 TK Cơ Quan.	12:00	13:30	13:12	14:13	28/8/26	Mộc Châu	Xử lý tiếp xúc, căn chỉnh lại DPT 476-7/2 Xuất Tuyến.	ĐX
24	Tách Đ/d PĐ 375/289 Bản Pục đến VT tách lèo 343	15:30	16:30	15:20	16:11	28/8/26	Sông Mã	Đầu lại lèo 3pha tại VT 343 PĐ 375/289 Bản Pục cấp điện TBA Nhà Un trong sau khi đã tách lèo tại VT 346 và tháo hạ dây dẫn từ sau VT tách lèo 346 đến VT 348 cô lập VT 347 bị sạt lở (nguy cơ sự cố)	ĐX
25	Tách đ/d PĐ 373/107 Tà Làng 1 từ DCL 373-7/113/4 Tà Làng 2 - VT tách lèo 113/26 và từ VT tách lèo 113/28 - DCL 373-7/113/152 Con Khảm,	6:00	11:15	7:13	11:51	29/8/26	Mai Sơn	- ĐL Mai Sơn di chuyển tuyến đ/d VT 113/27 (khắc phục bão lũ) và câu lại lèo VT 113/26, 113/28. - Tách lèo VT 113/137, 113/142 phục vụ chặt cây thông to ngoài hành lang có nguy cơ đổ vào đ/d từ VT 113/137 - 113/142	KH
26	Khóa F79 MC 473/47	9:30	11:00	10:23	11:46	29/8/26	Tô Hiệu	ĐL Tô Hiệu thi công hotline ĐX	ĐX

	Bó Cầm - TC 473/1 Hua La,							xử lý phát nhiệt đầu ra pha C tại MC 473/1 Hua La	
27	Khóa F79 MC 473/47 Bó Cầm - TC 473/1 Hua La,	9:30	11:00	10:23	11:46	29/8/26	Tô Hiệu	ĐL Tô Hiệu thi công hotline ĐX xử lý phát nhiệt đầu ra pha C tại MC 473/1 Hua La	ĐX
28	Tách đ/d 371E17.4 Thuận Châu từ CDPT 371-7/2 đến DCL 371-1/41A/8 Bản Nhộp và đến DCL 371-1/71 Huổi Pu	12:00	13:30	12:39	15:07	29/8/26	Thuận Châu	Thay 02 quả sứ đứng VHĐ 35kV đỡ lèo pha A, pha B tại VT 44 bị vỡ không đảm bảo VH	ĐX
29	Tách đ/d PĐ 373/107 Tà Làng 1 từ DCL 373-7/113/117 Hang Mon - DCL 373-7/113/152 Con Khảm	6:00	7:00	12:47	13:47	30/8/26	Mai Sơn	ĐL Mai Sơn câu đầu lèo VT 113/137 & 113/142 sau khi chặt cây thông to ngoài hành lang có nguy cơ đổ vào đ/d từ VT 113/137 - 113/142 xong.	KH
30	Tách ĐX đ/d PĐ 373/221 Suối Song từ DCL 373-7/17/29 Suối Lệnh - TBA Nậm Lộng,	16:00	18:00	16:01	18:18	30/8/26	Phù Yên	ĐL Phù Yên thay thế MBA Lệnh A có tiếng kêu bất thường, không đảm bảo vận hành	ĐX

Phụ lục II
CHI TIẾT KẾ HOẠCH CẮT ĐIỆN TRONG TUẦN 36

STT	Đơn vị công tác	Tên thiết bị, đường dây	Thời gian dự kiến			Nội dung công việc
			Ngày	Từ giờ	Đến giờ	
1	Điện lực MC-VH	Chuyển PT cấp điện từ PĐ 372/92 Chiềng Ve → LBS 372-1/92/57 Co Phương nhận điện đ/d 372 E17.1 Mộc Châu	03/9	06.00	06.10	Chuyển PT đ/d 372 & 376 về kết dây cơ bản sau khi PV tổ chức các hoạt động lễ hội, phiên chợ vùng cao tại Cửa khẩu quốc tế Lóng Sập xong.
2	Điện lực PY-BY	Đ/d 375 E17.5 Phù Yên	03/9	07.30	17.30	Vệ sinh cách điện Hotline: Đ/d 375 từ VT97/1 ÷ VT97/13 và từ VT97/1A ÷ VT97/22A
3	Điện lực	Đ/d 375 E17.5 Phù Yên	04/9	07.30	17.30	Vệ sinh cách điện Hotline: Đ/d 375 từ VT92 ÷ VT99

	PY-BY					và VT97/14 ÷ VT97/17 và từ VT109 ÷ VT109/9A/9 và từ VT123/1 ÷ VT123/3
4	Điện lực PY-BY	Đ/d 375 E17.5 Phù Yên	05/9	07.30	17.30	Vệ sinh cách điện Hotline: Đ/d 375 từ VT12 ÷ VT13 và từ VT12/1 ÷ VT12/2 và VT77 ÷ VT82
5	XNLD CT	Tách MBA tự dùng TD42, Đóng MBA tự dùng TD32 Trạm E17.2 Sơn La	05/9	07.30	17.30	Đưa MBA TD42 ra dự phòng; Đưa MBA tự dùng TD32 vào vận hành (đảm bảo thiết bị tách ra không quá 90 ngày)